

Số: 481/BC-UBND

Phú Mỹ, ngày 03 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về Cải cách hành chính huyện Phú Tân năm 2024;

Thực hiện Công văn số 187/PNV ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Phòng Nội vụ huyện Phú Tân về việc hướng dẫn báo cáo cải cách hành chính;

Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngay đầu năm, UBND thị trấn ban hành kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính thị trấn Phú Mỹ năm 2024. Đồng thời, triển khai và quán triệt đến từng cán bộ, công chức nghiêm túc thực hiện những nội dung trong kế hoạch cải cách hành chính của UBND thị trấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước ở địa phương; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và hạn chế các tiêu cực xảy ra trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.

UBND thị trấn ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 07/02/2024 của UBND thị trấn Phú Mỹ, về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2024. Trong kế hoạch UBND thị trấn và công văn số 155/UBND ngày 08/02/2021 về việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng và tiếp nhận hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử phân công nhiệm vụ cụ thể từng ngành, từng cán bộ, công chức trong thực hiện công tác CCHC cũng như công tác KSTTHC.

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại đơn vị.

Với mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu quản lý, UBND thị trấn đã tích cực triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách TTHC, công tác chuyên môn đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần xây dựng chính quyền điện tử.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đã nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động cơ quan. Đồng thời, thông qua việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đã đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ cá nhân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi với chất lượng tốt hơn, giảm thời gian đi lại cho các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp; nhiều thủ tục được giải quyết sớm hơn thời gian quy định. Mặt khác, đội ngũ công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tuy kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nhưng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và giao tiếp tốt nên chưa xảy ra trường hợp trễ hẹn phải xin lỗi các cá nhân, tổ chức.

- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

Để hướng tới nền hành chính phục vụ nhân dân, lấy thước đo sự hài lòng của nhân dân trong CCHC, UBND thị trấn tiếp tục duy trì việc thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn người dân đến liên hệ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn.

Bên cạnh, thực hiện tốt “ Ngày không viết”, “Ngày không hẹn” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn theo Công văn số 3710/VPUBND-KSTT ngày 30/7/2019 của Văn phòng UBND tỉnh trong kỳ được 196 hồ sơ.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Ngoài ra, để thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, UBND thị trấn đã thực hiện công tác tự kiểm tra để phát hiện những vướng mắc, thiếu sót trong quá trình thực hiện để kịp thời sửa chữa, khắc phục và phấn đấu thực hiện hoàn hành Kế hoạch đã đề ra.

Công chức tại bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” luôn thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử, văn hóa công sở, đạo đức công vụ. Trong quý I, UBND thị trấn không xảy ra trường hợp sai phạm nào của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính. Bằng nhiều hình thức, cách thực hiện, công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn thị trấn thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả quan trọng góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, thân thiện, minh bạch và hiệu quả.

Đài truyền thanh thị trấn phối hợp với Đài truyền thanh huyện đã không ngừng nâng cao chất lượng các nội dung tuyên truyền về CCHC, phản ánh có chiều sâu về CCHC trên địa bàn thị trấn. Riêng Đài truyền thanh thị trấn trong quý I tuyên truyền được 22 lượt (mỗi lượt từ 04 đến 05 phút) về công tác CCHC với nội dung: Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2022 – 2025; Thủ tục cấp bản sao trích lục khai sinh trực tuyến; Sử dụng căn cước công dân gắn chip trong

khám; Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp; Hỏi, đáp về một số nội dung có liên quan đến định danh điện tử; hai thủ tục liên thông khai sinh và khai tử; Thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Chính phủ,...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Công tác soạn thảo và ban hành văn bản đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền đối với từng loại văn bản theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP và Thông tư số 01/2011/TT-TTBNV của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật:

Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND thị trấn ban hành đều được cán bộ, công chức chủ động soạn thảo và chuyển cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm định, góp ý. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được xem xét về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

Xác định công tác phổ biến giáo dục pháp luật có vai trò quan trọng trong việc đưa cán bộ, nhân dân đến gần với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. UBND thị trấn luôn chú trọng, quan tâm, chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn.

Trong 6 tháng, tuyên truyền trên đài truyền thanh được 24 lượt (05 phút/lượt). Nội dung: một số quy định về Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023; Nghị định 34/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về cửa khẩu biên giới đất liền, an toàn vệ sinh thực phẩm, Các Quyền con người... và các chủ trương chính sách của địa phương; tuyên truyền trong các cuộc họp: 02 cuộc với 95 người dự; Thực hiện sinh hoạt “Ngày pháp luật” thông qua cuộc họp định kỳ tại đơn vị được 05 cuộc với 175 lượt đồng chí tham dự.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và kiểm tra công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan theo Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ, qua công tác tự kiểm tra không phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật cần phải xử lý.

Tập trung chỉ đạo thường xuyên đổi mới công tác tự kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và đồng

bộ các văn bản pháp luật của cấp trên; tiến hành tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND ban hành.

Ngày 28/3/2024, UBND chỉ đạo Công chức Tư pháp xây dựng Kế hoạch số 275/KH-UBND về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật năm 2024. Thông qua công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã kịp thời phát hiện những văn bản trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành để đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

UBND thị trấn thường xuyên theo dõi, rà soát và đánh giá các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

Thực hiện việc rà soát dựa vào các nội dung của tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ theo hướng dẫn tại Chương V, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh): 0 TTHC

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 0 TTHC.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Tỉnh:

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện: 0 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 0 TTHC.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa:

UBND thị trấn đã bố trí phòng tiếp nhận và trả kết quả với diện tích: 32 m², trang bị 01 đầu thu hình, 02 máy in, tủ, bàn, ghế phục vụ làm việc, bàn ghế cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, cũng có trang bị cho 02 cái máy: 01 máy tiếp nhận góp ý của công dân và 01 máy công bố, công khai thông tin để người dân tiện trong việc liên hệ TTHC. Tuy nhiên, hiện tại 02 máy đang bị hư màn hình cảm ứng và một số ghế ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả bị hư.

Hiện nay, UBND thị trấn thực hiện rất tốt các phần mềm sau: phần mềm chấm điểm cán bộ, công chức và phần mềm Igate tiếp nhận TTHC trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và nâng lên tiếp nhận TTHC trên cổng dịch vụ công quốc gia; phần mềm hộ tịch điện tử; phần mềm Office cũng giúp quản lý, xử lý hồ sơ công việc, trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp, khởi tạo và quản lý văn bản

tài liệu, công văn, báo cáo; phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức theo dõi quá trình biến đổi thông tin của mỗi cán bộ, công chức, trong quá trình công tác từ khi bắt đầu vào cơ quan cho đến nghỉ hưu...

Phân công công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đúng theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Việc số hóa hồ sơ tiếp nhận đầu vào tại Bộ phận Một cửa thị trấn là 1.662 hồ sơ.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Trong kỳ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Phú Mỹ đã tiếp nhận 1.662 hồ sơ và đã cập nhật đầy đủ lên cổng dịch vụ công quốc gia, một cửa điện tử tỉnh.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:

+ Thực hiện tốt việc công khai địa chỉ cơ quan; số điện thoại chuyên dùng; địa chỉ website, địa chỉ email;

+ Phân công 01 công chức Văn phòng – Thống kê thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên trang thông tin điện tử (website) (theo quy định tại Điều 13 Nghị định 20/2008/NĐ-CP) và 01 lãnh đạo phụ trách Bộ phận Một cửa xử lý việc phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC.

+ Việc xử lý phản ánh, kiến nghị tiếp nhận và cấp trên chuyển để xử lý theo thẩm quyền:

Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 0 trường hợp; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0

Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 0 trường hợp; trong đó số đã được đăng tải công khai: 0.

Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:

Trong kỳ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Phú Mỹ đã tiếp nhận 1.662 hồ sơ, giải quyết 1.662 hồ sơ, trả kết quả 1.662 hồ sơ, đạt 100%. Trong đó, tiếp nhận trực tiếp: 07 hồ sơ, một phần trực tuyến: 698 hồ sơ, toàn trình: 957 hồ sơ.

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.662 (trực tuyến: 957; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 705); số từ kỳ trước chuyển qua: 0.

Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.662 trường hợp; trong đó, giải quyết trước hạn: 1.654 trường hợp, đúng hạn: 08 trường hợp, quá hạn: 0 trường hợp.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 0 trường hợp; trong đó, trong hạn: 0, quá hạn: 0.

3. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức:

Việc rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của địa phương được thực hiện thường xuyên theo hướng tinh gọn từng bước khắc phục những bất cập, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế. Đồng thời địa phương thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn; Phó Bí thư Đảng ủy đồng thời Chủ tịch HĐND thị trấn, Phó Bí thư Đảng ủy đồng thời Chủ tịch UBND thị trấn. Từ đó đạt nhiều kết quả khả quan trong việc cải cách hành chính tổ chức bộ máy.

Việc giảm cán bộ, công chức cấp xã, ngay thời điểm này công việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả không đảm bảo đạt các chỉ tiêu theo quy định.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính:

Thực hiện tốt chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

Tình hình thực hiện tinh giản biên chế tại địa phương được chú trọng, nâng cao vai trò trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác.

Qua tình hình triển khai cũng như thực hiện quy chế làm việc tại UBND thị trấn việc giải quyết các công việc của công dân và tổ chức theo đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm; đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định và chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân thị trấn.

Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc: Hằng năm, văn phòng UBND thị trấn tham mưu Thường trực UBND xây dựng quy chế làm việc của UBND thị trấn và triển khai trong hội nghị cán bộ, công chức của cơ quan.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý:

Thực hiện thường xuyên việc cải tiến lề lối, phương thức làm việc của cán bộ, công chức; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế làm việc của cơ quan cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

4. Cải cách chế độ công vụ

Để đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới, trên một số lĩnh vực chuyên môn, UBND thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Thường xuyên rà soát trình độ năng lực cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn hóa và thực hiện việc tinh giản biên chế nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức.

Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thị trấn.

Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo khung năng lực vị trí việc làm.

Thực hiện đúng quy định, quy trình đánh giá phân loại cán bộ, công chức và người đứng đầu theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức và người lao động theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

Tăng cường việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, công chức sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ thuộc ngân sách thị trấn Phú Mỹ năm 2024. Đồng thời, hướng dẫn các ban, ngành, đoàn thể và các ấp thực hiện đúng theo quy định. Đến nay đã chi lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức đến tháng 05 và kinh phí hoạt động cho các ngành, các ấp kịp thời, đúng qui định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Nhằm đẩy nhanh quá trình cải tiến lề lối làm việc, xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu của công dân. Hầu hết cán bộ, công chức đều thành thạo vi tính, góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi các văn bản hành chính bằng hệ thống quản lý văn bản và điều hành một cách nhanh chóng và tiện lợi.

- Danh mục TTHC thực hiện DVC trực tuyến (Quyết định: 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021). Có 09 thủ tục.

Chứng thực bản sao từ bản chính: 645 hồ sơ

Thủ tục đăng ký khai sinh: 49 hồ sơ.

Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi: 84 hồ sơ.

Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai tử, xoá thường trú: 75 hồ sơ.

Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai tử, xoá thường trú, trợ cấp mai táng phí: 06 hồ sơ.

Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch: 623 hồ sơ.

Thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân: 229 hồ sơ.

Thủ tục đăng ký kết hôn: 46 hồ sơ.

Thủ tục đăng ký khai tử: 06 hồ sơ.

- Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: 1.463 hồ sơ.

- Thanh toán trực tuyến: 1.526 hồ sơ với tổng số tiền: 32.622.000đ.

- Văn thư ứng dụng phần mềm Office cũng giúp quản lý, xử lý hồ sơ công việc, trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp, khởi tạo và quản lý văn bản tài liệu, công văn, báo cáo... để nhằm một mục đích thay thế và hiện đại hóa các phương thức quản lý thông tin truyền thống. Trong 6 tháng, văn bản đi: 469, văn bản đến: 982, chữ ký số: 469.

7. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

UBND thị trấn đã ký hợp đồng tư vấn cùng Công ty TNHH Trần Đình Cử và ban hành Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001 : 2018, Duy trì, cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị trấn Phú Mỹ theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 - 2018; đã được công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 – 2018 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg đã được niêm yết tại trụ sở cơ quan.

Thường trực UBND thị trấn luôn quan tâm sâu sắc việc thực hiện xây dựng và áp dụng ISO hành chính lồng ghép các chương trình CCHC, có sự nhất trí cao cũng như sự phối hợp đồng bộ trong việc xây dựng và áp dụng, duy trì HTQLCL; Các quy trình giải quyết công việc được mô tả nội dung, thời gian thực hiện rõ ràng, cụ thể và kết quả thực hiện đạt yêu cầu; cán bộ, công chức có ý thức hơn trong việc thực theo Tiêu chuẩn ISO.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho người dân, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến gắn với nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính; quan tâm đầu tư mua sắm trang thiết bị cho bộ phận “một cửa” và triển khai cơ sở dữ liệu trong tổng hợp, báo cáo, lưu trữ số liệu công tác CCHC, trong thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm những trường hợp để TTHC trễ hạn, gây phiền hà người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết; thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền, quy chế dân

chủ ở cơ sở.... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm chuyên môn nhằm đảm bảo điều kiện cho cán bộ, công chức, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin gắn với CCHC, góp phần thực hiện thành công Chính quyền điện tử, Chính quyền số đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; tiếp tục mở rộng thực hiện nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính đến nhà...

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác tuyên truyền đôi lúc chưa thường xuyên nên người dân từng lúc, từng nơi chưa hiểu đúng, hiểu đủ về cải cách hành chính như có ý kiến cho rằng công tác CCHC là phải giải quyết hồ sơ liền, lập tức, không được hẹn.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Quốc gia gắn với nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính, số hóa hồ sơ, chứng thực điện tử... số lượng người dân tự nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công chưa nhiều, phần đông phải nhờ công chức nộp hộ và hồ sơ cần nhận liền nên việc trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính không nhiều.

Thực hiện Nghị định số 104/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Người dân chưa có CCCD khi đến liên hệ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn gặp nhiều khó khăn, phiền hà phải đi đến cơ quan công an xã, thị trấn xin thêm giấy xác nhận thông tin về cư trú mới nộp hồ sơ được.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Thường xuyên tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về CCHC nhà nước.

Tiếp tục tuyên truyền và duy trì thực hiện “ Ngày không viết”, “Ngày không hẹn” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn theo Công văn số 3710/VPUBND-KSTT ngày 30/7/2019 của Văn phòng UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và số hóa hồ sơ TTHC.

Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 359/KH-UBND của UBND tỉnh An Giang về tổ chức triển khai thực hiện thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015, Quyết định số 1380/QĐ-TTg;

Duy trì, cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị trấn Phú Mỹ theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 - 2018;

Bộ phận một cửa, tiếp tục thực hiện tốt phần mềm một cửa điện tử, tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Cổng dịch vụ công

quốc gia; văn phòng UBND thị trấn thực hiện tốt phần mềm VIC; Tư pháp - hộ tịch thực hiện tốt hệ thống thông tin quản lý hộ tịch.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- TT Đảng ủy, HĐND-UBND TT;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lý Minh Châu

Phụ lục 1
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản			
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	90		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	06	Có 06 nhiệm vụ hoàn thành 100%, còn 01 nhiệm vụ tiếp tục thực hiện	
3	Kiểm tra CCHC				
3.1	Số cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%			
3.4	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề			
3.5	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề			
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao				
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức				
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	01	01	KH số 167

Phụ lục 2
Thông kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cải cách thể chế			
1.1	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản		
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Quyết định của UBND cấp huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Nghị quyết của HĐND xã được ban hành	Văn bản	05	số 45, số 49, số 50, số 51, số 52
	Số Quyết định của UBND cấp xã được ban hành	Văn bản	231	Số 01 đến số 231
1.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
1.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
1.4	Số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
1.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Phụ lục 3
**Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1	Thống kê TTHC				
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục			
1.4.1	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục			
1.4.2	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục			
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		03		
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	02	- Thủ tục đăng ký KS, đăng ký thường trú và cấp thẻ BHYT. - Thủ tục đăng ký khai tử, xóa hộ khẩu, chế độ mai táng phí.	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	01	Cấp biển số nhà	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
3	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ			
3.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ			
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.2.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1.662		
3.2.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	1.654		
3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100		
3.3.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	0		
3.3.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	0		

Phụ lục 4
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.2	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị			
1.2.1	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị			
1.2.2	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%			
2	Số liệu về biên chế công chức				
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	23		
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22	Có 02 kiêm nhiệm	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0		
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	17,39		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân Công
		Đơn vị tính	Số liệu		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	23		
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22	Có 02 kiêm nhiệm	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17,39		

**Phụ lục 5
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Phụ lục 6
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
1.1	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị		
1.2	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
1.3	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.1	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.4.2	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.4.3	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.5	Số ĐVSN trực thuộc do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
1.6	Số lượng ĐVSN trực thuộc đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 7
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện
công tác xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.1.2	<i>Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	469/469
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1	<i>Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</i>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
3.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</i>	%		
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	57	
4.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	57	
4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	48	
4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	48	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh.	%	100	
4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	105	
4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh	Thủ tục	105	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	99,58	1.655/1.662
4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	705	
4.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	957	